

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Quản lý hành chính										Sự nghiệp y tế											
				Văn phòng Sở Y tế	Chi cục An toàn VSTP	Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	Bệnh viện ĐK tỉnh	Bệnh viện ĐKKV Ngọc Hồi	Bệnh viện Y học Cổ truyền - PHCN	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm giám định Y khoa	Trung tâm Pháp y	Trung tâm kiểm nghiệm	Trung tâm Y tế ĐăkGlei	Trung tâm Y tế Ngọc Hồi	Trung tâm Y tế ĐăkHá	Trung tâm Y tế ĐăkTô	Trung tâm Y tế Sa Thầy	Trung tâm Y tế KonRẫy	Trung tâm Y tế KonPlong	Trung tâm Y tế Tu Mơ Rông	TTYT Ia H'Drai	Trung tâm Y tế Thành phố	Ban quản lý Dự án "Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin giai đoạn 2018 - 2021"	Quý khám, chữa bệnh cho người nghèo
A	B			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
	Loại 130 - 131	8,002	8,002														8,002								
2	Đội Y tế dự phòng, cán bộ chuyên trách Dân số và Trạm Y tế xã	8,002	8,002														8,002								
2.1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (12)	7,885	7,885														7,885								
-	Quỹ lương và các khoản đóng góp và chi khác	7,885	7,885														7,885								
2.1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (12)	117	117														117								
-	Kinh phí thuê bao phần mềm Y tế cơ sở trạm Y tế xã 23 tr; Thuê bao phần mềm khám sức khỏe cá nhân Trạm Y tế xã 65 tr và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người cao tuổi 12 tr	98	98														98								
-	Hỗ trợ hoạt động phòng chống bệnh lao	19	19														19								
-	Sửa chữa chống thấm lại toàn bộ trạm và mái vòm Trạm Y tế xã Ngọc Tú	0	-														0								
XV	Trung tâm Y tế huyện Sa Thầy	14,312	14,312															14,312							
	Loại 130 - 132	3,773	3,773															3,773							
1	Bệnh viện huyện	3,773	3,773															3,773							
1.1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (12)	3,757	3,757															3,757							
-	Quỹ lương và các khoản đóng góp và chi khác	3,757	3,757															3,757							
1.2	Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ (12)	16	16															16							
-	Hỗ trợ tiền ăn 100.000 đồng/ngày; tiền bánh kẹo, trái cây 100,000 đồng/3 ngày tết cho các bệnh nhân ở lại điều trị nội trú trong 3 ngày Tết nguyên đán (Nghị quyết số 73/2020/NQHĐND ngày 14/12/2020)	16	16															16							
-	Sửa chữa xe ô tô cứu thương Ford Everest Biên kiểm soát 82B - 0796 Trung tâm Y tế huyện Sa Thầy	0	-															0							
-	Mua sắm trang thiết bị Văn phòng theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	0	-															0							
-	Bảo dưỡng, sửa chữa Trung tâm Y tế huyện Sa Thầy	0	-															0							
	Loại 130 - 131	10,539	10,539															10,539							
2	Đội Y tế dự phòng, cán bộ chuyên trách Dân số, Trạm Y tế xã	10,539	10,539															10,539							
2.1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (12)	10,408	10,408															10,408							
-	Quỹ lương và các khoản đóng góp và chi khác	10,408	10,408															10,408							
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (12)	131	131															131							
-	Kinh phí thuê bao phần mềm Y tế cơ sở trạm Y tế xã 28 tr; Thuê bao phần mềm khám sức khỏe cá nhân Trạm Y tế xã 80 tr và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người cao tuổi 12 tr	118	118															118							
-	Hỗ trợ hoạt động phòng chống bệnh lao	13	13															13							
XVI	Trung tâm Y tế huyện Kon Rẫy	13,093	13,093																13,093						
	Loại 130 - 132	5,368	5,368																5,368						
1	Bệnh viện huyện và Phòng khám đa khoa khu vực	5,368	5,368																5,368						
1.1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (12)	5,353	5,353																5,353						
-	Quỹ lương và các khoản đóng góp và chi khác	5,353	5,353																5,353						
1.2	Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ (12)	15	15																15						
-	Hỗ trợ tiền ăn 100.000 đồng/ngày; tiền bánh kẹo, trái cây 100,000 đồng/3 ngày tết cho các bệnh nhân ở lại điều trị nội trú trong 3 ngày Tết nguyên đán (Nghị quyết số 73/2020/NQHĐND ngày 14/12/2020)	15	15																15						
-	Mua sắm trang thiết bị Văn phòng theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	0	-																0						
-	Bảo dưỡng, sửa chữa Khoa Ngoại sản Trung tâm Y tế huyện Kon Rẫy	0	-																0						
	Loại 130 - 131	7,725	7,725																7,725						
3	Đội Y tế dự phòng, cán bộ chuyên trách Dân số, Trạm Y tế xã	7,725	7,725																7,725						
3.1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (12)	7,631	7,631																7,631						
-	Quỹ lương và các khoản đóng góp và chi khác	7,631	7,631																7,631						
3.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (12)	94	94																94						

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Quản lý hành chính								Sự nghiệp y tế													
				Văn phòng Sở Y tế	Chi cục An toàn VSTP	Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	Bệnh viện ĐK tỉnh	Bệnh viện ĐKKV Ngọc Hồi	Bệnh viện Y học Cổ truyền - PHCN	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm giám định Y khoa	Trung tâm Pháp y	Trung tâm kiểm nghiệm	Trung tâm Y tế ĐăkGlei	Trung tâm Y tế Ngọc Hồi	Trung tâm Y tế ĐăkHà	Trung tâm Y tế ĐăkTô	Trung tâm Y tế Sa Thầy	Trung tâm Y tế KonRẫy	Trung tâm Y tế KonPlong	Trung tâm Y tế Tu Mơ Rông	TTYT Ia HD'rai	Trung tâm Y tế Thành phố	Đơn quản lý Dự án "Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin giai đoạn 2018 - 2021"	Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo
A	B			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1	Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: 2021 -2025	524	524													524									
1.1	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân nâng cao thể trạng; tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	524	524													524									
-	Hợp phần I: Xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Kinh phí chi trả phụ cấp Cố đờ thôn bản)	168	168													168									
-	Hợp phần III: Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số	356	356													356									
	Loại 130 Khoản 151	177	177													177									
1	Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: 2021 -2025	177	177													177									
1.1	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân nâng cao thể trạng; tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	177	177													177									
	Hợp phần II: Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	177	177													177									
VII	Trung tâm Y tế huyện Đăk Tô	583	583														582.83								
	Loại 130 Khoản 131	444	444														443.83								
1	Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: 2021 -2025	444	444														443.83								
1.1	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân nâng cao thể trạng; tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	444	444														443.83								
-	Hợp phần I: Xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Kinh phí chi trả phụ cấp Cố đờ thôn bản)	89	89														88.83								
-	Hợp phần III: Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số	355	355														355.00								
	Loại 130 Khoản 151	139	139														139.00								
1	Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: 2021 -2025	139	139														139.00								
1.1	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân nâng cao thể trạng; tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	139	139														139.00								
	Hợp phần II: Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	139	139														139.00								
VIII	Trung tâm Y tế huyện Sa Thầy	670	670															669.70							
	Loại 130 Khoản 131	487	487															486.70							
1	Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: 2021 -2025	487	487															486.70							
1.1	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân nâng cao thể trạng; tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	487	487															486.70							
-	Hợp phần I: Xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Kinh phí chi trả phụ cấp Cố đờ thôn bản)	99	99															98.70							
-	Hợp phần III: Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số	388	388															388.00							
	Loại 130 Khoản 151	183	183															183.00							
1	Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: 2021 -2025	183	183															183.00							
1.1	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân nâng cao thể trạng; tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	183	183															183.00							
	Hợp phần II: Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	183	183															183.00							
IX	Trung tâm Y tế huyện Kon Rẫy	439	439																439						
	Loại 130 Khoản 131	325	325																325						
1	Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: 2021 -2025	325	325																325						
1.1	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân nâng cao thể trạng; tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	325	325																325						
-	Hợp phần I: Xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Kinh phí chi trả phụ cấp Cố đờ thôn bản)	69	69																69						
-	Hợp phần III: Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số	256	256																256						
	Loại 130 Khoản 151	114	114																114						
1	Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: 2021 -2025	114	114																114						
1.1	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân nâng cao thể trạng; tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	114	114																114						
	Hợp phần II: Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	114	114																114						
X	Trung tâm Y tế huyện KonPlong	432	432																	432.44					
	Loại 130 Khoản 131	266	266																	266.44					
1	Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: 2021 -2025	266	266																	266.44					
1.1	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân nâng cao thể trạng; tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	266	266																	266.44					

